

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

TP. Hồ Chí Minh, tháng 8/2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 407/QĐ-ĐNT ngày 23/12/2019
của Hiệu trưởng trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình : KẾ TOÁN
Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : KẾ TOÁN
Mã ngành : 7340301
Loại hình đào tạo : CHÍNH QUY

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA

I. Mô tả chương trình đào tạo

I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành kế toán (KT) được áp dụng tại khoa Kinh Tế, Trường Đại Học Ngoại Ngữ - Tin Học Thành Phố Hồ Chí Minh được ban hành từ năm 2013, với mục tiêu đào tạo ra các cử nhân ngành kế toán có đầy đủ kiến thức, kỹ năng để làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các cơ sở kinh doanh.

CTĐT ngành kế toán được quản lý bởi Bộ môn Kế toán, thuộc khoa Kinh Tế Tài Chính, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Tin Học. Với đội ngũ giảng viên có trình độ cao (phần lớn được đào tạo từ nhiều trường đại học danh tiếng từ các nước khác nhau như: Anh, Úc, ...) và cơ sở vật chất được đầu tư đổi mới và nâng cấp để phục vụ tốt hơn cho việc giảng dạy và nghiên cứu.

Chương trình đào tạo được hiệu chỉnh, cập nhật hàng năm và phát triển theo tiêu chuẩn quốc tế với mức độ thích ứng cao với nhu cầu của xã hội. Hệ thống đào tạo tín chỉ bao gồm đa dạng các kiến thức tương thích với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước, tăng cường sự linh động cho người học. Các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng để thúc đẩy người học không ngừng phát triển năng lực cá nhân.

CTĐT áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019 gồm 145 tín chỉ bao gồm: khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, và kiến thức bổ trợ để giúp người học tăng cường khả năng hội nhập và thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo một lộ trình hợp lý và khoa học, cho phép sinh viên có thể linh động trong kế hoạch học tập để đạt được bằng cử nhân từ 3 đến 6 năm.

I.2. Thông tin chung

Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng được thể hiện trong Bảng 1.2.

Bảng 1.2. Thông tin chung về CTĐT ngành kế toán

STT	Mục thông tin	Giải thích
1	Tên gọi của ngành	Kế toán
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	Cử nhân
4	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
5	Thời gian	4 năm
6	Số tín chỉ	145
7	Khoa quản lý	Kinh tế - Tài chính
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt & Tiếng Anh
9	Website	

10	Facebook	
11	Ban hành	Tháng 8 năm 2019

I.3. Sứ mạng – Tầm nhìn của trường

Sứ mạng

HUFLIT đào tạo những người ham học hỏi trở thành các công dân đáp ứng được những đòi hỏi không ngừng của thị trường lao động, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức phát triển bản thân, có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

Tầm nhìn

HUFLIT phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học top đầu trong nước về đào tạo ngành nghề sử dụng ngoại ngữ và tin học làm công cụ chiến lược để nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

I.4 Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa

Sứ mạng

Bồi dưỡng tri thức, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, xây dựng ý thức học tập và nghiên cứu suốt đời cho sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng và ngành Kế toán; trở thành một trong những khoa phát triển bền vững, góp phần nâng cao vị thế học hiệu của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Kinh tế- Tài chính sẽ trở thành nơi đào tạo nhân lực trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, có chất lượng thuộc nhóm 20 trường đại học hàng đầu của Việt Nam, với kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu, sử dụng tiếng Anh thành thạo và ứng dụng công nghệ thông tin tối ưu trong công việc.

I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

I.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức tổng hợp về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và thuế, phẩm chất đạo đức tốt, năng động và thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực kế toán – tài chính.

I.5.2. Mục tiêu cụ thể:

Cử nhân ngành Kế toán có các phẩm chất và năng lực sau đây:

Về kiến thức:

- Có kiến thức tổng hợp về kinh tế, xã hội, quản lý **(PO1)**
- Có kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và thuế **(PO2)**

Về kỹ năng:

- Có đầy đủ các kỹ năng cần thiết nhằm vận dụng tối ưu kiến thức được học trong quá trình thực hiện các hoạt động tác nghiệp, quản lý hoạt động chuyên môn như: kỹ

năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm (PO3)

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân:

- Có khả năng tư duy tốt, tinh thần làm việc độc lập, sáng tạo; Có ý thức tự phát triển bản thân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc và thực thi trách nhiệm đối với xã hội. (PO4)

I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

I.6.1. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành CTĐT ngành Kế toán, người học sẽ đạt các chuẩn đầu ra (CDR) thể hiện trong Bảng 1.6.1

Bảng 1.6.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán

PLOs	Chuẩn đầu ra
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật
PLO2	Áp dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và thuế
PLO3	Đánh giá được các vấn đề về tài chính doanh nghiệp
PLO4	Tổ chức thực hiện được công tác kế toán trong các đơn vị
PLO5	Tổ chức, điều hành và làm việc nhóm có hiệu quả
PLO6	Thuyết trình và giao tiếp có hiệu quả trong chuyên môn kế toán, tài chính
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn kế toán, tài chính
PLO8	Ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong lĩnh vực kế toán, tài chính
PLO9	Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, phát huy tinh thần học tập suốt đời
PLO10	Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp

I.6.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT

Bảng 1.6.2. mô tả mối liên hệ giữa các mục tiêu và PLOs của chương trình giảng dạy.

Sinh viên có thể đạt được các mục tiêu của chương trình nếu họ đáp ứng các CDR của chương trình đào tạo.

Bảng 1.6.2. Mối liên hệ giữa các mục tiêu và PLOs

Mục tiêu CTĐT		PO1	PO2	PO3	PO4
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật	X		X	X
PLO2	Áp dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và thuế		X	X	X
PLO3	Đánh giá được các vấn đề về tài chính doanh nghiệp	X	X	X	X
PLO4	Tổ chức thực hiện được công tác kế toán trong các đơn vị		X	X	X
PLO5	Tổ chức, điều hành và làm việc nhóm có hiệu quả	X	X	X	X
PLO6	Thuyết trình và giao tiếp có hiệu quả trong chuyên môn kế toán, tài chính	X		X	X
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn kế toán, tài chính	X	X	X	X
PLO8	Ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong lĩnh vực kế toán, tài chính	X	X	X	X
PLO9	Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, phát huy tinh thần học tập suốt đời	X	X	X	X
PLO10	Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp			X	X

I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT Kế toán của Trường Đại học Đại Học Ngoại Ngữ Thành Phố Hồ Chí Minh có thể làm việc trong nhiều tổ chức và các lĩnh vực khác nhau. Nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực kế toán, mà còn bao gồm cả lĩnh vực tài chính, thuế và kiểm toán. Cử nhân kế toán có thể làm việc ở:

- Các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp: đảm nhận các công việc liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, kiểm tra thuế, quản trị tài chính, dự toán và phân tích tài chính; giám đốc tài chính.

- Các công ty kiểm toán, các công ty tư vấn kế toán, thuế

- Trong lĩnh vực ngân hàng, các công ty tài chính. Đảm nhận các công việc:

- + Kế toán viên, kiểm toán viên.

- + Tư vấn thuế

- + Kế toán trưởng, trưởng nhóm kiểm toán, giám đốc tài chính.

- + Phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, lập và phân tích ngân sách.
- + Kiểm soát tài chính, tư vấn tài chính, quản trị ngân quỹ.
- Ngoài ra còn đảm nhiệm công việc kế toán tại các cơ sở sản xuất kinh doanh.

I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

I.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

I.8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đào tạo được thiết kế là 4 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm. Mỗi năm học có hai học kỳ chính (bắt đầu từ tháng 9) và một học kỳ hè (từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8).

Theo lộ trình được thiết kế, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương khối kiến thức ngành sẽ được phân bổ từ năm học đầu tiên đến học kỳ 1 của năm thứ 3 (học kỳ 5); Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được phân bổ từ năm học thứ 3 đến năm học thứ 4; Các học phần tiếng Anh cơ bản được phân bổ trong 3 học kỳ đầu tiên, các học phần tiếng Anh chuyên ngành được giảng ở năm thứ 2 và thứ 3. Trong toàn khóa học có 12 học phần tự chọn (18 tín chỉ).

I.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp ngành Kế Toán nếu hội đủ các điều kiện:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành Kế toán;
- Hoàn tất các học phần theo đúng CTĐT và tích lũy đủ số tín chỉ, không có học phần nào đạt điểm dưới 4 và có Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2 trở lên;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ: Chứng chỉ TOEIC đạt trình độ 500 (Hoặc chứng chỉ ngoại ngữ ở cấp độ quy đổi tương đương).
- Tin học phải có chứng chỉ MOS là Word, Excel;
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

I.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Chương trình này được triển khai giảng dạy theo phương pháp lấy người học làm trung tâm, với việc sử dụng đa dạng chiến lược dạy và học như Chiến lược kỹ năng tư duy (Thinking Skills Strategies), Chiến lược dựa trên hoạt động (Activity-Based Strategies), Chiến lược hợp tác (Cooperative Strategies) và Chiến lược học tập độc lập – tự học (Independent Learning Strategies).

Việc sử dụng đa dạng phương pháp dạy và học sẽ hỗ trợ tích cực người học đạt được các PLOs. Động não (Brainstorming) là phương pháp luôn được lưu ý trong quá trình giảng dạy để thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Do đó, ngay trong quá trình thuyết giảng, giảng viên cũng sẽ thường xuyên nêu vấn đề, đặt câu hỏi để sinh viên suy nghĩ, tìm câu trả lời, đưa ra giải pháp...

Nghiên cứu tình huống (Case Study) cũng là phương pháp được sử dụng trong nhiều môn học, với các tình huống đa dạng do giảng viên hoặc sinh viên thu thập và cùng chia sẻ trong lớp. Những tình huống được cập nhật thường xuyên, mang tính thời sự để sinh viên nắm bắt thực tế, biết cách thích nghi và ứng phó với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Các môn chuyên ngành được giảng song ngữ Anh-Việt để giúp sinh viên có thêm lợi thế về cơ hội nghề nghiệp, và thuận lợi hơn trong việc thực hiện được mục tiêu học tập suốt đời. Do đó, sinh viên được học tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành với thời lượng thích đáng để đảm bảo cho việc học tốt các môn chuyên ngành. Những sinh viên đạt một trong các chứng chỉ tiếng Anh với số điểm sau đây được miễn học các học phần tiếng Anh cơ bản:

- + TOEIC : 500
- + TOEFL iBT: 61
- + IELTS: 5.0

Chương trình đào tạo cũng sẽ áp dụng hình thức Tham luận (Guest Speaker), với khách mời là các doanh nhân, nhà quản trị, cựu sinh viên thành đạt. Thông qua hình thức này, sinh viên có thể thu được những bài học kinh nghiệm thực tế từ những người đi trước; đồng thời thông qua các buổi cố vấn (Mentoring), sinh viên sẽ được thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, học hỏi về ý tưởng lập nghiệp, tự tạo việc làm cho mình sau khi tốt nghiệp.

Sinh viên còn được tham gia đa dạng vào các hoạt động đi thực tế (Field Trip), thực tập nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan hành chính sự nghiệp, ... để tìm hiểu những nội dung thực tế liên quan đến môn học trên lớp.

Ứng dụng công nghệ thông tin cũng là một phần không thể thiếu trong CTĐT. Đây là môn học được cập nhật liên tục trong chương trình, là công cụ hỗ trợ việc dạy và học, thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực tự học, giúp quá trình dạy và học nâng cao hiệu suất do tiết kiệm được thời gian. Với chương trình đào tạo này, cả giảng viên và sinh viên đều tích cực sử dụng các công cụ, phần mềm trực tuyến hỗ trợ cho quá trình dạy và học (Elearning, Moodle, Google Drive ...).

I.10. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể của từng học phần được công bố cho người học trước khi học.

Kết quả đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý để có thể thực hiện sự điều chỉnh về các hoạt động dạy và học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu đề ra.

Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học của từng học phần, các phương pháp đánh giá phù hợp được lựa chọn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học. Các phương pháp đánh giá được áp dụng bao gồm: đánh giá sự tham gia trên lớp (in-class participation), bài tập (work assignment), thuyết trình (oral presentation), đánh giá hoạt động (performance test), kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple-choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), đánh giá làm việc nhóm (peer assessment), báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập/khóa luận tốt nghiệp (graduation report/thesis).

a) Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của họ. Việc đánh giá chuyên cần không còn thực hiện một cách độc lập mà được kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

b) Đánh giá bài tập (Work Assignment): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

c) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Trong một số môn học, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, hay nghiên cứu một tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng truyền thông, thương lượng, làm việc nhóm.

d) Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

e) Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần.

f) Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

g) Thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Thời gian đánh giá được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ).

h) Viết Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

i) Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

j) Báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): Báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá bởi giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá.

I.11. Hệ thống tính điểm

Hệ thống tính điểm được áp dụng dựa trên quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

– Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

– Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

– Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Thang điểm và kết quả đánh giá thể hiện trên bảng 1.11.

Bảng 1.11. Thang điểm và kết quả đánh giá

Phân loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	8,5 - 10	A	4
	Khá	7,0 - 8,4	B	3
	Trung bình	5,5 - 6,9	C	2
	Trung bình yếu	4,0 - 5,4	D	1
Không đạt	Kém	Dưới 4,0	F	0

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

II. 1. Cấu trúc chương trình:

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức, gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, với tổng số tín chỉ là 145, chưa bao gồm phần kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng; trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (Bảng 2.1.)

Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh tế, xã hội, lý luận chính trị, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, toán học và tin học.

Ngoài ra, các học phần ngoại ngữ, bao gồm Tiếng Anh cơ bản và Tiếng Anh chuyên ngành sẽ giúp sinh viên có đủ năng lực để học tốt các học phần chuyên ngành,

nâng cao khả năng đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh và khả năng học tập suốt đời sau khi tốt nghiệp.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ và kiến thức tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và thuế, để có thể thực hiện tốt công việc chuyên môn ngay sau khi tốt nghiệp; Khối kiến thức bổ trợ giúp sinh viên có thêm kỹ năng mềm, kiến thức liên ngành, nâng cao khả năng học tập các chuyên ngành khác trong tương lai và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình đào tạo ngành Kế Toán

STT	Khối kiến thức		Số tín chỉ			Ghi chú
			Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	
1	Giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	11		11	
		Ngoại ngữ	24		24	
		Kinh tế - xã hội	07		07	
		Toán- Tin học	09		09	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	16		16	
		Chuyên ngành	52		52	
		Kiến thức bổ trợ	08	12	20	
		Thực tập & khóa luận tốt nghiệp		06	06	

II.2. Danh sách các học phần

II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: (51 tín chỉ)

II.2.1.1. Lý luận chính trị: (11 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận, thực hành	Tổng số tiết
1	1010443	Triết học Mác - Lênin (<i>Philosophy of Marxism-Leninism</i>)	3	3		30
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (<i>Political economics of Marxism-Leninism</i>)	2	2		45
3	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ideology of Ho Chi Minh</i>)	2	2		30
4	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>History of the Vietnam Communist Party</i>)	2	2		45
5	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học (<i>Scientific socialism</i>)	2	2		30
Tổng cộng:			11	11		165

II.2.1.2. Ngoại ngữ: (24 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	HP Tiên quyết	Học phần trước
1		Tiếng Anh Cơ Bản 1 (Basic English 1)	4		
2		Tiếng Anh Cơ Bản 2 (Basic English 2)	4		Tiếng Anh Cơ Bản 1 (Basic English 1)
3		Tiếng Anh Cơ Bản 3 (Basic English 3)	4		Tiếng Anh Cơ Bản 2 (Basic English 2)
4		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1 (English for Accounting & Auditing 1)	3		Tiếng Anh Cơ Bản 3 (Basic English 3)
5		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2 (English for Accounting & Auditing 2)	3		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1
6		Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1 (English for Finance & Banking 1)	3		Tiếng Anh Cơ Bản 3
7		Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 2 (English for Finance & Banking 2)	3		Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1
Tổng cộng:			24		

II.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng : (07 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Ghi chú
1		Giáo dục thể chất 1	2	60	Không tính vào điểm tích lũy
2		Giáo dục thể chất 2	3	90	
3		Giáo dục quốc phòng- An ninh	3	165	
Tổng cộng:			7	315	

II.2.1.4. Kinh tế - xã hội : (07 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Đạy bằng NN
1	1010122	Đại cương pháp luật Việt Nam (Fundamentals of Laws in Vietnam)	2	30	BB			Việt
2	2020052	Luật kinh tế (Economic Laws)	2	30	BB			Việt

3	2010012	Quản trị học (<i>Managerial Science</i>)	3	45	BB				Việt
		Tổng cộng:	7	105					

II.2.1.5. Toán – Tin học: (09 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1010083	Tin học Đại cương (<i>General Informatics</i>)	3	45	BB			Việt
2	2022313	Thống kê ứng dụng (<i>Applied statistics</i>)	3	45	BB			Việt
3	2022303	Kinh tế lượng ứng dụng (<i>Applied Econometrics</i>)	3	45	BB			Việt
		Tổng cộng:	9	135				

II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: (94 tín chỉ)

II.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: (16 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2020013	Kinh tế vi mô (<i>Microeconomics</i>)	3	45	BB			Việt
2	2020023	Kinh tế vĩ mô (<i>Macroeconomics</i>)	3	45	BB			Việt
3	2010192	Giới thiệu ngành học Kế toán (<i>Introduction to Accounting</i>)	2	30	BB			Việt
4	2020043	Nguyên lý kế toán (<i>Fundamental of Accounting</i>)	3	45	BB		Kinh tế vi mô	Việt
5	Thuế (<i>Tax</i>)	3	45	BB			Việt
6	2022153	Pháp luật kế toán (<i>Law on Accounting</i>)	2	30	BB			Việt
		Tổng cộng:	16	240				

II.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành : (52 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2020043	Kế toán tài chính 1 (<i>Financial Accounting I</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt

2	2022103	Kế toán quản trị (<i>Management Accounting</i>)	3	45	BB	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính 1	Anh
3	2022023	Kế toán tài chính 2 (<i>Financial Accounting 2</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 1	Việt
4	2021253	Kiểm toán cơ bản (<i>Basic auditing</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
5	2022043	Kế toán tài chính 3 (<i>Financial Accounting 3</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 2	Việt
6	2022053	Kế toán chi phí (<i>Costs accounting</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
7	2022123	Hệ thống thông tin kế toán (<i>Accounting Information System</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
8	2022262	Thực hành nghề nghiệp (<i>Professional practice</i>)	2	30	BB			Việt
9	2022043	Kế toán tài chính 4 (<i>Financial accounting 4</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 3	Việt
10	2022373	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Anh
11	2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh (<i>Business operating Analysis</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 1, 2, 3	Việt
12	Kế toán excel (<i>Excel accounting</i>)	3	45	BB	Tin học Đại cương	Kế toán tài chính 4	Việt
13		Chuẩn mực IFRS 1 (<i>International Financial Reporting Standard 1</i>)	3	45	TC		Nguyên lý kế toán	Anh
14		Kế toán thuế và khai báo thuế (<i>Tax accounting and tax declaration</i>)	3	45	BB	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính 4	Việt
15	2022083	Kiểm soát Nội bộ (<i>Internal control</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
16	2041012	Thực tập tốt nghiệp (<i>Internship</i>)	2	30	BB			Việt
17	2022133	Phần mềm kế toán (<i>Accounting Software</i>)	3	45	BB		Tin học Đại cương	Việt
18	2021273	Phân tích báo cáo tài chính (<i>Financial statement analysis</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 1, 2, 3	Việt
		Tổng cộng:	52	780				

II.2.2.3. Kiến thức bổ trợ : (20 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
-------	-------------	--------------	----	---------	---------	---------------------	----------------	-------------

1	Tài chính công ty (Corporate finance)	3	45	BB		Kinh tế vĩ mô	
2	2021032	Thị trường tài chính (Financial Market)	2	30	TC		Kinh tế vĩ mô	
3	2022352	Tài chính phát triển (Development Finance)					Kinh tế vĩ mô	
4	2021163	Đầu tư tài chính (Financial investment)	3	45	TC		Tài chính công ty	
5		Đầu tư bất động sản (Real Estate investment)					Tài chính công ty	Việt
6	2021222	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	BB		Thống kê ứng dụng	Việt
7	2022322	Nguyên lý thẩm định giá (Principles of valuation)	2	30	TC		Tài chính công ty	
8	2010022	Marketing căn bản (Basic Marketing)						
9	Mua bán và sáp nhập (Mergers and acquisitions)	2	30	TC		Thị trường tài chính	
10	2022252	Tài chính vi mô (Micro-finance)					Thị trường tài chính	
11		Khởi nghiệp (Entrepreneurship)	3	45	BB		Quản trị học, Tài chính công ty	
12	2022243	Tài chính thương mại quốc tế (Finance of International Trade)	3	45	TC		Thị trường tài chính	
13	Kế toán hành chính sự nghiệp (Public accounting)		45	TC	Nguyên lý kế toán		Việt
		Tổng cộng:	20	300				

II.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp: (06 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2041026	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	90	TC			Việt
HOẶC								
2		Chuẩn mực IFRS 2 (International Financial Reporting Standard 2)	3	45	TC		Kế toán tài chính 4	Anh
3		Thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal)	3	45	TC		Tài chính công ty	Việt
		Tổng cộng:	6	90				

II.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Ghi chú:

H: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Cao”

M: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Trung bình”

L: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Thấp”
Bỏ trống hoặc “-”: Học phần không đáp ứng cho CĐR của CTĐT

STT	Mã HP	Tên học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
<i>I. Kiến thức giáo dục đại cương</i>												
1	1010443	Triết học Mác - Lênin	H				L	L			M	L
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H				L	L			M	L
3	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H				L	L			M	L
4	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H				L	L			M	L
5	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H				M	L			L	M
6		Tiếng Anh Cơ Bản 1						M	H		H	
7		Tiếng Anh Cơ Bản 2						M	H		H	
8		Tiếng Anh Cơ Bản 3						M	H		H	
9		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1		H				M	H	L	L	
10		Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1		L	H		L	M	H		M	L
11		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2	L					M	H		M	
12		Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 2	L					M	H		M	
13	1010122	Đại cương pháp luật Việt Nam	M								M	M
14	2020052	Luật kinh tế	M								L	L
15	Quản trị học	L			M	M	M			L	M

			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
16	1010083	Tin học Đại cương		L						H	L	
17	2022313	Thông kê ứng dụng	M			L	L	L		M	M	L
18	2022303	Kinh tế lượng ứng dụng	M				M			H	M	L
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
1	2020013	Kinh tế vi mô	M					L	L		M	L
2	2020023	Kinh tế vĩ mô	H				L		L		L	L
3	2010192	Giới thiệu ngành học Kế toán	M	M		L					L	L
4	2020043	Nguyên lý kế toán		H	L	M					M	M
5	Thuế	H	H			M				M	M
6	2022153	Pháp luật kế toán	M	H					L	L	M	H
7	2020043	Kế toán tài chính 1	M	H		H	L					H
8	2022103	Kế toán quản trị	L	H	L	M	L		H		L	M
9	2022023	Kế toán tài chính 2	M	H		M	L				H	M
10	2021253	Kiểm toán cơ bản	H	H	L	L	L	M	L	M	M	M
11	2022043	Kế toán tài chính 3	M	H		M					M	M
12	2022053	Kế toán chi phí		H	L	M	L				L	
13	2022123	Hệ thống thông tin kế toán		H	H		M					

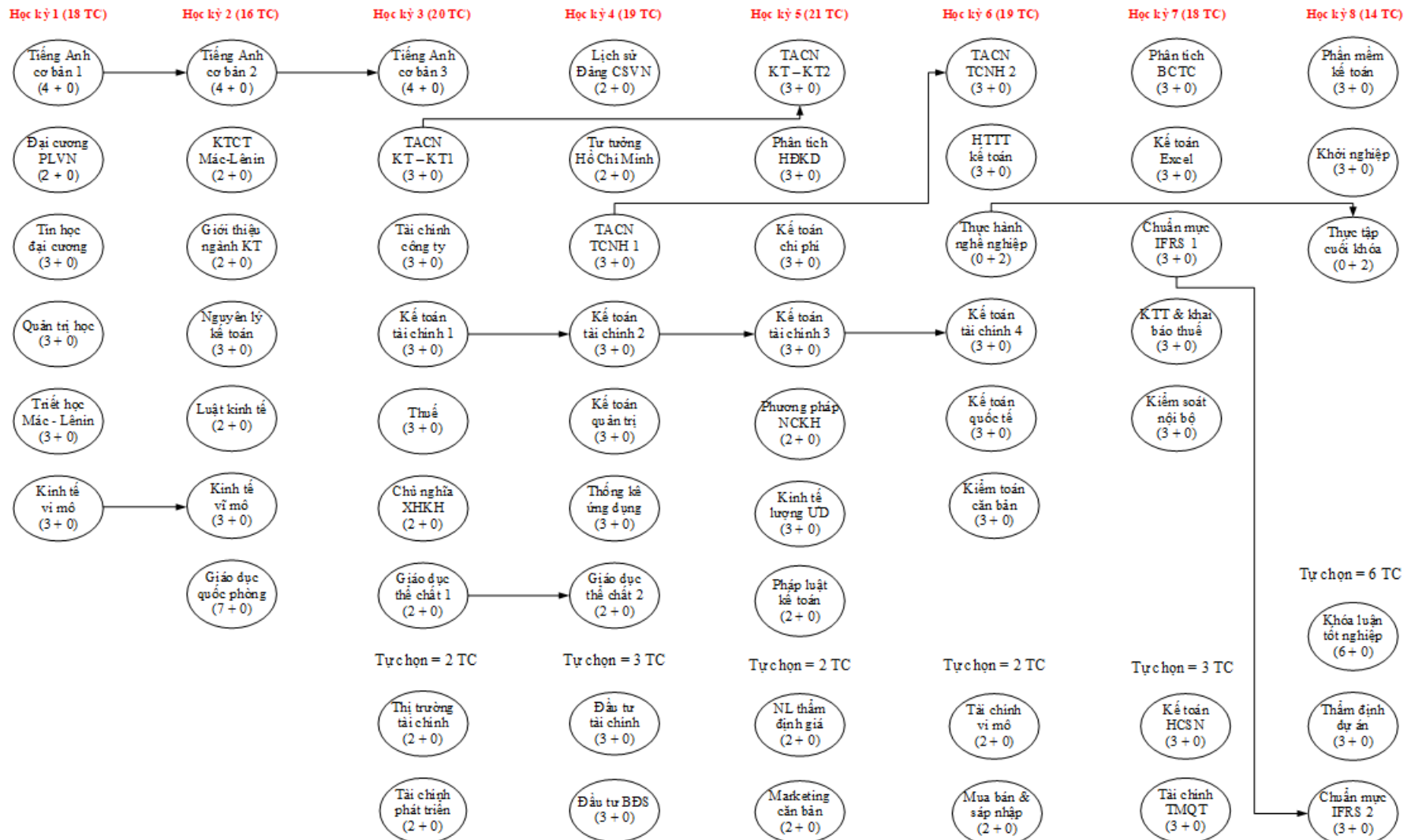
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
14	2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh		H	H		M					
15	2022262	Thực hành nghề nghiệp	M	H	L	L	H	H	L	H	H	H
16	2022043	Kế toán tài chính 4	H	M			M				M	M
17	2022373	Kế toán quốc tế		H		M	L		H		L	M
18	Kế toán hành chính sự nghiệp	H	H	M		M	L	L	M	M	M
19	2021273	Phân tích báo cáo tài chính		H	H		M					
20	Kế toán Excel	L	M		L	M			H	M	
21		Chuẩn mực IFRS 1	M	H	L				M		L	M
22		Kế toán thuế và khai báo thuế	H	H			M				M	M
23	2022083	Kiểm soát Nội bộ	M	M	M	M	L	L	M	L	M	M
24	2041012	Thực tập tốt nghiệp	M	H	L	L	H	H	L	H	H	H
25	Tài chính công ty	L		M				L		M	L
26	2021032	Thị trường tài chính	L	H	L		L	M	M		L	L
27	2022352	Mua bán và sáp nhập	L	M	M		L		M		L	
28	2021163	Đầu tư tài chính	M		H		L		L		M	L
29		Đầu tư bất động sản	L	H	H		H	H			M	H
30	2021222	Phương pháp nghiên cứu khoa học	M		L	M	L	L			M	
31	2022322	Nguyên lý thẩm định giá	M		L		L	L	L		L	M

			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
32	2010022	Marketing căn bản	M				M	L	M		M	
33	2022243	Tài chính thương mại quốc tế	H	L					M		H	H
34	Tài chính phát triển	H						L		M	
	2022252	Tài chính vi mô	M						L		M	L
35		Khởi nghiệp	H	H	M	M	H	M	M	H	H	H
36	2022133	Phần mềm kế toán		H		M			L	L		M
37	2041012	Thực tập tốt nghiệp	M	H	L	L	H	H	H	H	H	H
38	2041026	Khóa luận tốt nghiệp	M	H	L	L	H	H	H	H	H	H
39		Chuẩn mực IFRS 2	M	H	L				M		L	M
40		Thẩm định dự án đầu tư	L		L				M		L	M

II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ – TIN HỌC TP HCM
KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN HỆ CHÍNH QUY - KHÓA 2019**



II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng	
1	1	1010443	Triết học Mác - Lênin	3	3			18	
			Tiếng Anh Cơ Bản 1	4	4				
		2020013	Kinh tế vi mô	3	3				
		1010122	Đại cương pháp luật Việt Nam	2	2				
		Quản trị học	3	3				
		1010083	Tin học Đại cương	3		3			
	2	2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			16
				Tiếng Anh Cơ Bản 2	4	4			
			2020043	Nguyên lý kế toán	3	3			
			2010192	Giới thiệu ngành học Kế toán	2	2			
			2020023	Kinh tế vĩ mô	3	3			
			2020052	Luật kinh tế	2	2			
2	3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			20	
			Tiếng Anh Cơ Bản 3	4	4				
			Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán 1	3	3				
		2022203	Tài chính công ty	3	3				
		2020043	Kế toán tài chính 1	3	3				
		Thuế	3	3				
		2021032	Thị trường tài chính	2	2				
		Tài chính phát triển		2				
	4	4	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			19
			1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2			
			2022103	Kế toán quản trị	3	2	1		
			2022023	Kế toán tài chính 2	3	3			
				Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng 1	3	3			
			2022313	Thống kê ứng dụng	3	2	1		
			2021163	Đầu tư tài chính	3	3			
				Đầu tư bất động sản		3			
	3	5		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán 2	3	3			21

		2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3				
		2022043	Kế toán tài chính 3	3	2	1			
		2022053	Kế toán chi phí	3	2	1			
		2022303	Kinh tế lượng ứng dụng	3	2	1			
		2021222	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2				
		2022153	Pháp luật kế toán	2	2				
		2022322	Nguyên lý thẩm định giá	2	2				
		2010022	Marketing căn bản		2				
6			Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2	3	3			19	
	2022123		Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1			
	2022262		Thực hành nghề nghiệp	2			2		
	2022043		Kế toán tài chính 4	3	2	1			
	2022373		Kế toán quốc tế	3	2	1			
	2021253		Kiểm toán cơ bản	3	2	1			
	2022352		Mua bán và sáp nhập	2	2				
		Tài chính vi mô		2				
4	7	2021273	Phân tích báo cáo tài chính	3	3			18	
		2011112	Kế toán excel	3	2	1			
			Chuẩn mực IFRS 1	3	3				
			Kế toán thuế và khai báo thuế	3	2	1			
		Kiểm soát nội bộ	3	3				
		2022153	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3				
		2022243	Tài chính thương mại quốc tế		3				
	8	2041012		Thực tập tốt nghiệp	2			2	14
				Khởi nghiệp	3	3			
		2022133		Phần mềm kế toán	3	2	1		
		2041026		Khóa luận tốt nghiệp	6			6	
				Chuẩn mực IFRS 2	3	3			
				Thẩm định dự án đầu tư	3	3			

II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

STT	Mã HP	Tên học phần	Tên giảng viên	Ghi chú
1	1010443	Triết học Mác - Lênin	Khoa LLCT	
2		Tiếng Anh Cơ Bản 1	BM Tiếng Anh không chuyên	
3	2020013	Kinh tế vi mô	Phan Minh Đạt Hoàng Đức Sinh	
4	1010122	Đại cương pháp luật Việt Nam	BM Luật	
5	Quản trị học	Nguyễn Thị Anh	
6	1010083	Tin học Đại cương	Khoa CNTT	
7	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Khoa LLCT	
8		Tiếng Anh Cơ Bản 2	BM Tiếng Anh không chuyên	
9	2020023	Kinh tế vĩ mô	Phan Minh Đạt Hoàng Đức Sinh Nguyễn Thị Anh	
10	2010192	Giới thiệu ngành học Kế toán	Nguyễn Thanh Sơn Võ Đình Phụng Và các GV khoa khác	
11	2020043	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Thanh Sơn Vũ Thị Diệp Chi Nguyễn Thị Tuyết Như	
12	2020052	Luật kinh tế	BM Luật	
13	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa LLCT	
14		Tiếng Anh Cơ Bản 3	BM Tiếng Anh không chuyên	
15		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1	Lê Bá Khôi Phan Minh Đạt Trần Thị San Đào	
16	Tài chính công ty	Nguyễn Thị Ngọc Vân Thái Thị Thu Nguyệt Ngô Ngọc Thuyền Nguyễn Bá Hoàng	
17	2020043	Kế toán tài chính 1	Nguyễn Thanh Sơn Vũ Thị Diệp Chi Nguyễn Thị Tuyết Như	
18	Thuế	Nguyễn Thanh Sơn Lý Phát Cường	
19	2021032	Thị trường tài chính	Nguyễn Thị Ngọc Vân Thái Thị Thu Nguyệt Ngô Ngọc Thuyền Nguyễn Bá Hoàng	
20	2022352	Mua bán và sáp nhập	Nguyễn Thị Ngọc Vân Phan Minh Đạt	
21	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa LLCT	
22	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa LLCT	
23	2022103	Kế toán quản trị	Lê Bá Khôi Lý Phát Cường	
24	2020043	Kế toán tài chính 2	Nguyễn Thanh Sơn Vũ Thị Diệp Chi Nguyễn Thị Tuyết Như	

25		Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 1	Trần San Đào Lê Bá Khôi Ngô Ngọc Thuyền Đình Ngọc Long	
26	2022313	Thống kê ứng dụng	Nguyễn Thị Anh Nguyễn Bá Hoàng	
27	2021163	Đầu tư tài chính	Phan Minh Đạt Nguyễn Thị Ngọc Vân	
28		Đầu tư bất động sản	Nguyễn Thị Tuyết Như Lý Phát Cường	
29		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2	Trần San Đào Lê Bá Khôi Ngô Ngọc Thuyền Đình Ngọc Long	
30	2022073	Kiểm toán căn bản	Võ Đình Phụng Lý Phát Cường	
31	2022043	Kế toán tài chính 3	Nguyễn Thanh Sơn Lý Phát Cường	
32	2022053	Kế toán chi phí	Lý Phát Cường Nguyễn Thanh Sơn	
33	2022303	Kinh tế lượng ứng dụng	Nguyễn Bá Hoàng Nguyễn Thị Anh	
34	2021222	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Bá Hoàng Nguyễn Thị Anh	
35	2022153	Pháp luật kế toán	Lý Phát Cường Vũ Thị Diệp Chi	
36	2022322	Nguyên lý thẩm định giá	Nguyễn Thị Xuân Lan Phan Minh Đạt	
37	2010022	Marketing căn bản	Hoàng Đức Sinh Phan Minh Đạt	
38		Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2	Lê Bá Khôi Ngô Ngọc Thuyền Đình Ngọc Long Trần San Đào	
39	2022123	Hệ thống thông tin kế toán	Lý Phát Cường Võ Đình Phụng	
40	2022262	Thực hành nghề nghiệp	GV BM KT	
41	2022043	Kế toán tài chính 4	Nguyễn Thanh Sơn Lý Phát Cường	
42	2022373	Kế toán quốc tế	Lê Bá Khôi Phan Minh Đạt	
43	2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh	Lý Phát Cường Nguyễn Thanh Sơn Võ Đình Phụng	
44	2021283	Tài chính phát triển	Nguyễn Bá Hoàng Đình Ngọc Long Nguyễn Thị Xuân Lan	
45	2022252	Tài chính vi mô	Đình Ngọc Long Nguyễn Bá Hoàng	
46	2021273	Phân tích báo cáo tài chính	Lý Phát Cường Nguyễn Thanh Sơn	
47	2011112	Kế toán excel	Võ Đình Phụng Vũ Thị Diệp Chi	
48		Chuẩn mực IFRS 1	Lê Bá Khôi Phan Minh Đạt	
49		Kế toán thuế và khai báo thuế	Nguyễn Thanh Sơn Lý Phát Cường	
50	Kiểm soát nội bộ	Võ Đình Phụng Lý Phát Cường	

51	Kế toán hành chính sự nghiệp	Võ Đình Phụng Phan Minh Đạt	
52	2022243	Tài chính thương mại quốc tế	Trần San Đào Ngô Ngọc Thuyên Đình Ngọc Long	
53	2022133	Phần mềm kế toán	Vũ Thị Diệp Chi Võ Đình Phụng	
54	2041012	Thực tập tốt nghiệp	GV BM KT	
55		Khởi nghiệp	Đình Ngọc Long Phan Minh Đạt	
56	2041026	Khóa luận tốt nghiệp	GV BM KT	
57		Chuẩn mực IFRS 2	Lê Bá Khôi Nguyễn Thanh Sơn	
58		Thẩm định dự án đầu tư	Hoàng Đức Sinh Phan Minh Đạt	

II.2.7. Mô tả các học phần:

II.2.7.1. Lý luận chính trị: (11 tín chỉ)

Triết học Mác – Lênin (1010443)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc xem xét giới tự nhiên cũng như xem xét đời sống xã hội và tư duy con người, giúp sinh viên hình thành thế giới quan khoa học, định hướng cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, và phát triển phương pháp luận khoa học. Học tốt Triết học Mác – Lênin, sinh viên sẽ biết phân tích cụ thể sự vật, hiện tượng kinh tế - xã hội theo tinh thần biện chứng, đồng thời ngăn ngừa thái độ chủ quan tùy tiện trong việc vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin (1010452)

Với tư cách là “nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động” của Đảng và Nhà nước, kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp các luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc hình thành chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, các chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước.

Do đó, việc trang bị tri thức khoa học kinh tế chính trị Mác - Lênin sẽ giúp sinh viên có vốn kiến thức khoa học chính trị cần thiết, hiểu được bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế, giải thích được các quy luật kinh tế; qua đó hình thành niềm tin, tư duy logic, thái độ tích cực trong, góp phần thực thi trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (1010092)

Từ sau Đại hội IX của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nghiên cứu vừa tổng thể, vừa phân tích dưới các góc độ khác nhau về những vấn đề khác nhau. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là cần thiết trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đã và đang bước vào thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh, có được cái nhìn khái quát, toàn diện, sâu sắc khi nghiên cứu tư tưởng của Người với tính cách là “nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động” của Đảng và Nhà nước; Với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các luận cứ khoa học về việc hình thành chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, các chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước. giúp sinh viên hình thành niềm tin, thái độ tích cực trong hoạt động thực tiễn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1010472)

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...); Góp phần bồi dưỡng sinh viên về phương pháp, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và chiến đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (1010462)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hệ thống tri thức và căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; góp phần giáo dục, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp của người học.

II.2.7.2. Ngoại ngữ: (24 tín chỉ)

Tiếng Anh Cơ Bản 1 (.....)

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ cấp (tương đương chuẩn cấp độ 1/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tiếng Anh Cơ Bản 2 (.....)

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 2/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tiếng Anh Cơ Bản 3 (.....)

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và

năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán Kiểm toán 1

Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết đối với các thuật ngữ và các tình huống trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán. Từ đó sinh viên có khả năng vận dụng để tự tìm tòi, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán cũng như các tình huống thực tiễn khác.

Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán Kiểm toán 2

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nâng cao khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế trong lĩnh vực Kế toán Kiểm toán. Học phần còn giúp củng cố năng lực ngoại ngữ và hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra. Sinh viên có cơ hội ôn tập kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, trở nên tự tin hơn trong giao tiếp.

Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính -NH 1

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nâng cao khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống nghiệp vụ TCNH. Sinh viên có cơ hội ôn tập kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, trở nên tự tin hơn trong giao tiếp.

Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính -NH 2

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt chú trọng rèn luyện khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế trong lĩnh vực Tài chính -Ngân hàng. Học phần giúp củng cố năng lực ngoại ngữ và hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra. Sinh viên có cơ hội vận dụng kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, tự tin hơn trong giao tiếp thực tế trong công việc sau này.

II.2.7.3.Kinh tế- Xã hội: (07 tín chỉ)

Đại cương pháp luật Việt Nam (1010052)

Đại cương pháp luật Việt Nam là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, làm nền tảng để sinh viên có thể nghiên cứu các quy định pháp lý và luật chuyên ngành như Luật các tổ chức tín dụng, luật đầu tư, luật chứng khoán... Học phần cũng giúp sinh viên nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Luật kinh tế (2311022)

Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; nắm cơ bản các kiến thức về quản lý nhà nước trong đăng ký, thành lập doanh nghiệp; quy chế pháp lý về chủ thể kinh doanh, thương mại; và nắm được những nội dung cơ bản trong việc soạn thảo hợp đồng kinh doanh, thương mại.

Quản trị học (.....)

Học phần giúp SV tiếp cận được những kiến thức cơ bản về quản trị trong các tổ chức, trang bị cho SV một cách nhìn có hệ thống về quản trị, tạo tiền đề cho việc vận dụng kiến thức quản trị học để giải quyết vấn đề của tổ chức. HP sẽ giúp SV rèn luyện kỹ năng xây dựng, thực hiện và kiểm soát kế hoạch; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ra quyết định trong kinh doanh.

II.2.7.4. Toán – Tin học: (09 tín chỉ)

Tin học Đại cương (1010083)

Tin học đại cương là học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng Windows để tạo, mở, sao chép tài liệu, có thể định dạng các quy ước quốc tế về số, thời gian và ngày giờ. Sinh viên biết sử dụng các công cụ Word để soạn thảo các dạng tài liệu, trang trí văn bản theo yêu cầu công việc. Sinh viên biết sử dụng công cụ Excel để tạo các bảng tính toán từ đơn giản đến phức tạp. Ngoài ra sinh viên biết sử dụng phần mềm Certiport và có kiến thức để đạt chứng chỉ MOS.

Thống kê ứng dụng (2022313)

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về quá trình nghiên cứu thống kê, kỹ thuật trình bày các bảng biểu thống kê, phương pháp thống kê sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh. Hoàn tất học phần này, sinh viên sẽ có kỹ năng xử lý, trình bày dữ liệu, đọc kết quả thống kê trên các phần mềm thống kê phổ biến như Excel, SPSS.

Kinh tế lượng ứng dụng (2022303)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hồi quy trong dự báo và cách thức sử dụng các hàm, các phương pháp kiểm định, phân tích phương sai, cách khắc phục các sai phạm thông qua việc chọn mẫu, xử lý các biến đầu vào. Vận dụng những kiến thức có được từ môn học giúp xử lý được các mô hình phân tích hồi quy để giải các bài toán kinh tế, tài chính Về mặt kỹ năng, môn học giúp trang bị cho học sinh cách sử dụng các phần mềm sử dụng dữ liệu phổ biến như Excel, STATA, Eview,.. Kết thúc môn học, học viên được kỳ vọng sẽ nắm vững nội dung các mô hình kinh tế lượng được trình bày, có thể chọn lựa mô hình kinh tế lượng phù hợp

với chủ đề nghiên cứu và sử dụng thành thạo phần mềm kinh tế lượng cho các mô hình này.

II.2.7.5. Cơ sở ngành: (16 tín chỉ)

Kinh tế vi mô (2020013)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức kinh tế cơ bản và trang bị cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh,... Thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể của một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần cũng chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Học phần này sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

Kinh tế vĩ mô (2020023)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức kinh tế cơ bản, giúp cho sinh viên tiếp cận lý thuyết kinh tế vĩ mô, nắm vững các khái niệm căn bản về kinh tế vĩ mô và hiểu được những vấn đề về kinh tế vĩ mô mà thế giới đang quan tâm. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên một số mô hình cân bằng như là công cụ dùng để phân tích và lý giải các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với sự vận hành của nền kinh tế và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước, làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

Giới thiệu ngành học Kế toán (2010192)

Học phần Giới thiệu ngành học KT được giới thiệu cho sinh viên vào học kỳ 2 của năm học thứ 1, trước khi sinh viên học các học phần chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên hiểu được những đặc điểm của ngành học như: mục đích đào tạo, công việc sau khi tốt nghiệp, môi trường làm việc, yêu cầu phẩm chất nghề nghiệp và những kiến thức, kỹ năng cần thiết để phát triển bản thân trong lĩnh vực nghề nghiệp đã chọn. Đặc biệt, ở học phần này, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng tư duy, phát triển năng lực sáng tạo, nâng cao khả năng làm việc nhóm ngay trong quá trình học.

Nguyên lý kế toán (2020043)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức để người học có thể hiểu và nhận thức những nguyên lý cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành Kinh tế như kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng,

Thuế (.....)

Trang bị cho sinh viên tổng quát những quy định hiện hành của các sắc thuế, các quy định về luật quản lý thuế, đồng thời cập nhật, nắm bắt kịp thời những phần thay đổi của các bộ luật thuế sao cho phù hợp với các nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật thuế trong xã hội.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuế như: Bản chất, vai trò của thuế; phạm vi ảnh hưởng của thuế trong môi trường cạnh tranh và môi trường độc quyền; hệ thống thuế tại Việt Nam, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế. Sinh viên cũng được thực hành cách tính toán, kê khai các loại thuế cơ bản thông qua hệ thống bài tập dựa trên tình huống thực tế của các doanh nghiệp.

Pháp luật kế toán (.....)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức quy định pháp luật về công tác kế toán, vận dụng linh hoạt những qui định của pháp luật trong khi áp dụng làm công việc thực tế liên quan đến hoạt động kế toán; Nắm được những qui định của quản lý nhà nước về kế toán và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán.

II.2.7.6. Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành : (52 tín chỉ)

Kế toán tài chính 1 (2020043)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp; Qua học phần này, sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán trong các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác trong chương trình học tập tiếp theo.

Kế toán quản trị (2022103)

Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống thông tin quản trị. Thông tin của kế toán quản trị là những thông tin kinh tế, tài chính, mang tính định lượng, được cung cấp theo yêu cầu quản trị và trong nội bộ tổ chức, giúp các nhà quản trị dựa vào đó để hoạch định, kiểm soát hoạt động và ra quyết định kinh tế một cách nhanh chóng.

Với học phần này, sinh viên sẽ được nâng cao kỹ năng ra quyết định với việc áp dụng kế toán quản trị như: Chọn lọc và phân tích các dữ liệu cần thiết để ra quyết định

phương án kinh doanh; đánh giá hiệu quả đầu tư ngắn hạn, dài hạn; Vận dụng các phương pháp tính giá thành sản phẩm; ; lập và trình bày dự toán ngân sách.

Kế toán tài chính 2 (2022023)

Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán nợ phải trả, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, kế toán quá trình tiêu thụ sản phẩm, kế toán quá trình kinh doanh hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Qua học phần này, sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán trong các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác trong chương trình học tập tiếp theo.

Kiểm toán căn bản (2022073)

Kiểm toán là một lĩnh vực nghề nghiệp liên quan mật thiết với kế toán, trong đó, người thực hiện hoạt động kiểm toán sẽ sử dụng những phương pháp khác nhau để xác minh tính trung thực của tài liệu và tính pháp lý của các báo cáo tài chính, như: phương pháp đối chiếu, logic, diễn giải thông tin, điều tra, quan sát, kiểm kê, thử nghiệm... Hoạt động kiểm toán cũng có thể được thực hiện nhằm chỉ ra những sai sót và gợi mở những biện pháp để khắc phục, giúp tổ chức cải thiện hoạt động quản lý.

Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm toán; giúp sinh viên củng cố kiến thức tài chính, nâng cao khả năng tư duy logic, có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

Kế toán tài chính 3 (2022043)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan kế toán doanh nghiệp, để sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Hiểu được kế toán bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính trong doanh nghiệp; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.
- Biết vận dụng chương trình học vào thực tế tại doanh nghiệp.

Kế toán chi phí (2022053)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp theo các mô hình khác nhau, phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

Hệ thống thông tin kế toán (2022123)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức quy trình kinh doanh; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc, nhiệm vụ của từng bộ phận và vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ. Vận dụng những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị kinh doanh.

Phân tích hoạt động kinh doanh (2022113)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh để đưa ra cái nhìn toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, biết được những nguyên nhân làm hạn chế năng lực sản xuất của doanh nghiệp để đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Thực hành nghề nghiệp (2022262)

Đây là học phần giúp cho sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Từ đó, sinh viên có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn với trọng tâm là kiến thức liên quan đến tổ chức, quản lý hoặc nghiệp vụ của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các cơ sở kinh doanh. Đây cũng là học phần giúp sinh viên có cơ hội học hỏi kinh nghiệm từ những người đi trước, làm quen với ngành nghề chuyên môn. Trong quá trình thực hành nghề nghiệp, sinh viên được bố trí giáo viên hướng dẫn để giải đáp vướng mắc, định hướng nghiên cứu cho phù hợp.

Kế toán tài chính 4 (2022043)

Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về chứng từ, kết cấu tài khoản, sổ kế toán và báo cáo tài chính, qua đó sinh viên lập được chứng từ kế toán, ghi sổ, định khoản kế toán và lập báo cáo tài chính ở các loại hình doanh nghiệp.

Kế toán quốc tế (2022373)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về Kế toán Mỹ (US GAAP) cũng như kế toán quốc tế (IFRS); Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung của Kế toán Mỹ và kế toán quốc tế; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. (1) Giải thích được chức năng của nghề kế toán tại Mỹ và trên thế giới; (2) Diễn giải được những khái niệm liên quan đến định khoản kế toán (nợ, có, tài sản, vốn chủ sở hữu) theo US GAAP và IFRS; (3) Giải thích được những nguyên tắc cơ bản của kế toán Mỹ và kế toán quốc tế.

Phân tích báo cáo tài chính (2021273)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý bên trong doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên ngoài doanh nghiệp; Hiểu rõ được tình hình tài chính của doanh nghiệp được thể hiện trên các báo cáo tài chính; Có được các phương pháp, kỹ thuật đánh giá tình hình tài chính và phương pháp vận dụng tốt trong thực tiễn.

Kế toán excel (.....)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong việc ứng dụng excel vào kế toán; Giúp sinh viên hiểu và phân biệt được mối liên kết giữa chứng từ, sổ sách, báo cáo qua những hàm excel; Diễn giải được các mối liên hệ các bảng tính (Sheet) thông qua các hàm excel và kiến thức kế toán từ chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo.

Chuẩn mực IFRS 1

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập báo cáo tài chính quốc tế; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung để lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IAS 1, IAS 7); Giúp sinh viên: có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai; Giải thích các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế; Diễn giải được những khái niệm chuẩn mực liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IAS 1, IAS 7)

Kế toán thuế và khai báo thuế

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về thuế và kế toán thuế, qua đó sinh viên hiểu các khái niệm về thuế, lập các báo cáo thuế, đồng thời thực hiện công tác kế toán thuế, từ đó xác định được số thuế phải nộp, đã nộp và số thuế còn phải nộp của các loại thuế tại các loại hình doanh nghiệp.

Kiểm soát nội bộ (2022083)

Kiểm soát nội bộ là nội dung ngày càng được quan tâm ở mọi tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp. Thực hiện tốt hoạt động kiểm soát nội bộ sẽ giúp doanh nghiệp ngăn chặn gian lận, giảm thiểu sai sót, khuyến khích hiệu quả hoạt động, và đạt được sự tuân thủ các chính sách và chu trình được thiết lập như : chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền; Chu trình bán hàng, thu tiền; chu trình tính và trả lương...

Đây là học phần giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức từ nhiều học phần khác nhau, nâng cao kỹ năng tư duy quản lý, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề trong quản trị.

Thực tập tốt nghiệp (2041012)

Học phần thực tập tốt nghiệp được xây dựng để giúp sinh viên có những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của một tổ chức. Thông qua quá trình thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các sở sản xuất kinh doanh, dưới sự hướng dẫn của giảng viên và của người quản lý tại đơn vị thực tập, sinh viên sẽ tích lũy được kinh nghiệm chuyên môn, hội nhập môi trường thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Phần mềm kế toán (2022133)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của phần mềm kế toán; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh nhất và có thể sử dụng ngay được bất kỳ phần mềm kế toán nào sẵn có tại doanh nghiệp. Trang bị cho sinh viên các quy trình kinh doanh chính trong đơn vị kinh doanh; khai báo ban đầu trong phần mềm ứng dụng trong kế toán, vận dụng cho các phân hành kế toán như kế toán thu – chi, kế toán phải thu – phải trả, kế toán hàng tồn kho, ... Vận dụng những kiến thức đã học khai báo các báo cáo có liên quan đến báo cáo kế toán.

II.2.7.6. Học phần thuộc kiến thức bổ trợ: (20 tín chỉ)

Tài chính công ty (.....)

Tài chính công ty là học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp. Các bài tập thực hành sẽ giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng như: phân tích tình hình tài chính; xây dựng mục tiêu của nhà quản trị tài chính; định giá những thu nhập trong tương lai, đánh giá rủi ro của doanh nghiệp; ra quyết định đầu tư thông qua phân tích tài chính.

Thị trường tài chính (2021032)

Thị trường tài chính là một trong những thành phần cơ bản của hệ thống tài chính, là nơi diễn ra hoạt động giao dịch các công cụ tài chính. Với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính như: nguyên tắc tổ chức và hoạt động; phân loại các thị trường tài chính; quy trình phát hành các công cụ tài chính như: tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, cổ phiếu; phương pháp định giá các công cụ trên thị trường tài chính... Sinh viên cũng sẽ được giới thiệu về thực trạng thị trường tài chính Việt Nam.

Mua bán và sáp nhập (2022352)

Mua bán và sáp nhập (M&A) là hoạt động được diễn ra phổ biến trong những năm gần đây của các doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc, chuyển đổi chiến lược hoạt động. Với học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý, và kỹ thuật sử dụng trong hoạt động sáp nhập, mua bán; các chiến lược sáp nhập; phương pháp xác định giá trị công ty trong mua bán, sáp nhập; đánh giá hiệu quả thương vụ M&A.

Đầu tư tài chính (2021163)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về đầu tư tài chính, giúp sinh viên tiếp cận các hình thức đầu tư tài chính. Học tốt học phần này, sinh viên

sẽ có khả năng tự tổng hợp thông tin phân tích vĩ mô và ngành cụ thể, xác định và đánh giá tài sản đưa vào danh mục đầu tư, tính toán tỷ trọng từng loại tài sản, đánh giá rủi ro và xác định tỷ suất sinh lời kỳ vọng.

Đây là học phần mang tính ứng dụng nghề nghiệp cao, giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai, phát triển năng lực tổng hợp, hệ thống hóa, nghiên cứu vấn đề và ra quyết định trên cơ sở tư duy khoa học và logic.

Đầu tư bất động sản

Bên cạnh hoạt động đầu tư tài chính, doanh nghiệp có thể đầu tư vào bất động sản để thực hiện các mục tiêu kinh doanh, mục tiêu chiến lược trong một số thời kỳ. Vì vậy, có được những kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản là điều cần thiết đối với nhà quản trị tài chính. Với học phần này, sinh viên sẽ được tìm hiểu về thị trường bất động sản, hoạt động kinh doanh bất động sản ở Việt Nam, các quy định pháp lý và công cụ quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản; Học phần này cũng giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thẩm định giá bất động sản, kỹ năng đàm phán, kỹ năng môi giới bất động sản, từ đó, sinh viên sẽ có thêm cơ hội nghề nghiệp nếu cảm thấy bản thân phù hợp để hành nghề kinh doanh dịch vụ bất động sản.

Phương pháp nghiên cứu khoa học (2021222)

Với mục đích trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng trong nghiên cứu kinh doanh, học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu được bản chất của quá trình nghiên cứu, biết cách thiết lập quy trình nghiên cứu, vận dụng các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin.

Học tốt học phần này, sinh viên có thể: xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng phương pháp nghiên cứu để giải quyết vấn đề, trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học; ứng dụng kiến thức trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp cũng như thực hiện tốt các hoạt động nghiên cứu trong chuyên môn nghề nghiệp sau này như: nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi khách hàng, nghiên cứu tác động của chính sách tài chính đối với doanh nghiệp...

Nguyên lý thẩm định giá (2022322)

Thẩm định giá là một lĩnh vực nghề nghiệp mới của sinh viên tốt nghiệp ngành tài chính- ngân hàng. Với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá như: Các tiêu chuẩn và phương pháp thẩm định giá; Đánh giá các yếu tố có tác động lên giá tài sản; Tiêu chuẩn hành nghề thẩm định giá; Các nguyên tắc kinh tế cơ bản cần tuân thủ trong thẩm định giá.

Marketing căn bản (2010022)

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về marketing như: các hoạt động marketing, môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận (gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị), vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing.

Với học phần này, sinh viên sẽ nâng cao khả năng phân tích thị trường, mô tả, phân tích và đưa ra nhận định về các hoạt động marketing-mix của doanh nghiệp trên thị trường.

Tài chính phát triển (.....)

Học phần này giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức về vai trò và mối quan hệ giữa tài chính và quá trình phát triển kinh tế. Ngoài ra, sinh viên có thể tìm hiểu cách thức nhà nước sử dụng tài chính để tác động đến quá trình phát triển kinh tế, đồng thời giải thích được bản chất các chính sách tài chính, mô hình tài chính, hệ thống tài chính trong công cuộc phát triển kinh tế.

Tài chính vi mô (2022252)

Trong công cuộc phổ cập tài chính dành cho đối tượng người nghèo, tài chính vi mô đã trở thành một lĩnh vực được nhiều quốc gia nghiên cứu và nhiều tổ chức quan tâm. Học phần Tài chính vi mô sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô trong nước và quốc tế. Sinh viên cũng sẽ tìm hiểu bản chất của các sản phẩm tài chính vi mô, nhận diện được rủi ro của các tổ chức tài chính vi mô, thử thách của ngành tài chính vi mô Việt Nam trong thời điểm hiện tại.

Khởi nghiệp (.....)

Học phần Khởi nghiệp được xây dựng và bắt đầu triển khai từ khóa 2019 để đáp ứng chủ trương và chiến lược đào tạo cử nhân đại học có khả năng tự tạo việc làm, thực thi trách nhiệm với bản thân và xã hội. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp sinh viên biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một hoạt động kinh doanh. Học phần cũng trang bị những kỹ năng để sinh viên có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh, trong đó có môi trường pháp luật.

Kế toán hành chính sự nghiệp (.....)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản lý và sử dụng nguồn lực tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung, yêu cầu, phương pháp thu thập để cung cấp thông tin hữu ích

cho đối tượng sử dụng thông tin; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

Tài chính thương mại quốc tế (2022243)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về giao dịch thương mại quốc tế. Sinh viên sẽ hiểu được vai trò của các chủ thể trong một giao dịch thương mại quốc tế, bản chất của các sản phẩm trên thị trường ngoại hối; mô tả được sự luân chuyển dòng vốn trong các phương thức tài trợ; đồng thời tích hợp được các công ước quốc tế, ưu đãi có liên quan vào hoạt động thanh toán và áp dụng vào quy trình xuất, nhập khẩu tại Việt Nam.

Học phần cũng giúp sinh viên nhận thức được những rủi ro, sai phạm có thể xảy ra trong quá trình thanh toán quốc tế và đưa ra quyết định phù hợp.

II.2.7.7. Học phần thuộc kiến thức tốt nghiệp: (06 tín chỉ)

Khóa luận tốt nghiệp (2041026)

Đây là học phần dành cho các sinh viên đáp ứng đủ điều kiện để làm khóa luận như sau:

- Tính đến thời điểm khoa xét để giao khóa luận tốt nghiệp, sinh viên không còn học phần bị điểm F hoặc F+, và có điểm trung bình chung tích lũy thỏa mãn điều kiện do Khoa quy định nhưng không thấp hơn 2,50.
- Sinh viên có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên đã hoàn thành thực tập tốt nghiệp và báo cáo thực tập tốt nghiệp đạt chất lượng tốt (Có điểm từ 7/10 trở lên).

Trên cơ sở quá trình thực tập tại đơn vị đã hoàn tất, và báo cáo thực tập tốt nghiệp đạt chất lượng tốt, khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng vận dụng các kiến thức đã học để nghiên cứu, hoàn thành đề tài khoa học, và trình bày kết quả nghiên cứu. Khóa luận tốt nghiệp giúp cho sinh viên nâng cao khả năng tổ chức thực hiện được công tác kế toán, kiểm toán và thuế trong các đơn vị. Qua đó, biết vận dụng các nguyên tắc kế toán, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn, có thể nhận xét, đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm toán và thuế tại các doanh nghiệp.

Chuẩn mực IFRS 2

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về những chuẩn mực cơ bản trong bộ chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS); Giúp sinh viên hiểu được thêm những nguyên tắc của các chuẩn mực khác trong bộ chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS); Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Đồng thời: (1) Trình bày được lịch sử hình thành, vai trò của Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) và các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), IAS và US GAAP; (2) Nêu những điểm khác biệt cơ bản giữa các chuẩn mực quốc tế và chuẩn mực Việt Nam; (3) Giải thích được những nguyên tắc trong bộ chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

Thẩm định dự án đầu tư

Thẩm định dự án là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về thẩm định dự án đầu tư. Học tốt học phần này, sinh viên sẽ có thêm nhiều cơ hội nghề nghiệp chủ yếu là các dự án bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

Từ đó, sinh viên có thể xây dựng định hướng học tập, nghiên cứu cho phù hợp mục tiêu nghề nghiệp và tiếp tục theo đuổi nghề thẩm định giá, hoạt động nghề nghiệp một cách độc lập sau khi đáp ứng các điều kiện pháp lý.

-----oO-----